

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /2015/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 22 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức trần thù lao công chứng
và chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 23/9/15

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trần thù lao công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Hà Nam như sau:

STT	NỘI DUNG	MỨC TRẦN THÙ LAO CÔNG CHỨNG (đồng/trường hợp)
I	Soạn thảo và đánh máy hợp đồng, giao dịch:	
1	Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh	300.000
2	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản	200.000
3	Hợp đồng chuyên nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất	150.000
4	Hợp đồng chuyên nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất	150.000
5	Hợp đồng chuyên đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp	150.000



6	Hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác	150.000
7	Hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lãnh tài sản	150.000
8	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản	150.000
9	Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô	100.000
10	Hợp đồng vay tiền	100.000
11	Văn bản thỏa thuận về tài sản của vợ chồng	100.000
12	Di chúc	100.000
13	Hợp đồng ủy quyền	100.000
14	Hợp đồng, giao dịch khác	100.000
15	Hợp đồng mua bán, tặng cho xe máy	50.000
16	Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	50.000
17	Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch	50.000
18	Văn bản từ chối nhận di sản	50.000
19	Giấy ủy quyền	50.000
II	Đánh máy, sao chụp văn bản (Đối với trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị):	(đồng/trang)
1	Đánh máy văn bản (trang A4)	5.000
2	Sao chụp văn bản (trang A3)	1.000
3	Sao chụp văn bản (trang A4)	500
III	Dịch giấy tờ, văn bản:	(đồng/trang)
1	Dịch từ tiếng nước ngoài sang Tiếng Việt:	
	Dịch từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt	120.000
	Dịch từ tiếng nước ngoài khác sang Tiếng Việt	150.000
2	Dịch từ Tiếng Việt sang tiếng nước ngoài:	
	Dịch từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh	120.000
	Dịch từ Tiếng Việt sang tiếng nước ngoài khác	150.000
IV	Các việc khác liên quan đến công chứng:	(đồng/trường hợp)
1	Sao lục hồ sơ	50.000
2	Công bố di chúc	150.000

V	Công chứng ngoài trụ sở: Ngoài việc phải chi trả chi phí tại các mục I, II, III, IV Điều này (nếu có), trường hợp người yêu cầu công chứng yêu cầu thực hiện việc công chứng ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng là người già yếu, không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng thì phải trả thêm:	(đồng/trường hợp)
1	Trong phạm vi dưới 10 km	200.000
2	Trong phạm vi từ 10 km đến 50 km	300.000
3	Trong phạm vi trên 50 km Nếu mức thu trên không đủ thanh toán tiền tàu xe, tiền lưu trú và các chi phí khác thì người yêu cầu công chứng và tổ chức hành nghề công chứng thỏa thuận thêm mức thu phù hợp theo quy định.	500.000

Điều 2. Quy định mức trần chi phí chứng thực tại Phòng Tư pháp các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam (trong trường hợp người yêu cầu chứng thực đề nghị) như sau:

1. Đánh máy giấy tờ, văn bản (trang A4): 5.000 đồng/trang.
2. Sao chụp văn bản (trang A3): 1.000 đồng/trang.
3. Sao chụp văn bản (trang A4): 500 đồng/trang.

Điều 3. Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng pháp các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng:

a) Các tổ chức hành nghề công chứng xác định mức thù lao cụ thể đối với từng loại việc không vượt quá mức trần thù lao công chứng quy định tại Điều 1 Quyết định này và niêm yết công khai tại trụ sở.

Tổ chức hành nghề công chứng thu cao hơn mức trần và mức thu đã niêm yết thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm giải thích rõ cho người có yêu cầu công chứng về thù lao công chứng.

2. Trách nhiệm của Phòng Tư pháp các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:



Phòng Tư pháp các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ tình hình thực tế ấn định mức chi phí chứng thực nhưng không vượt quá mức trần chi phí chứng thực quy định tại Điều 2 Quyết định này và niêm yết công khai tại trụ sở.

Điều 4. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thu, chi thù lao công chứng và chi phí chứng thực theo quy định tại Quyết định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HỒND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- VPUB: LĐVP, NC;
- Như Điều 5;
- Đài PT-TH, Báo Hà Nam, Cục TTĐT;
- Lưu: VT, NC(H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông